



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO  
TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẦN

\*\*\*\*\*

**BẢNG TÍNH ĐỊNH LƯỢNG KHẨU PHẦN ĂN**

Ngày 03 tháng 02 năm 2025

\* Tổng số suất ăn: 268

- 3 tuổi: 49

- Cháo:

Trong đó:

+ Mẫu giáo: 234

- 4 tuổi: 91

+ Nhà trẻ: 34

- Cơm nát:

- 5 tuổi: 94

- Cơm thường:

34

S T T	TÊN THỰC PHẨM	Số lượng (kg)		Quy đổi (kg)		Chất dinh dưỡng (g)										Calo	
		MG	NT	MG	NT	P				L				G		MG	NT
						ĐV		TV		ĐV		TV		MG	NT		
1	Sữa bột toàn phần	3,40	0,50	3,40	0,50	918,0	135,0			884,0	130,0			1.292,0	190,0	16.796,0	2.470,0
2	Gạo tẻ máy	17,20	1,70	17,20	1,70			1.358,8	134,3			172,0	17,0	13.054,8	1.290,3	59.168,0	5.848,0
3	Thịt bò loại 1	3,35	0,15	3,28	0,15	689,4	30,9			124,8	5,6					3.873,9	173,5
4	Thịt lợn mỡ	6,55	0,85	6,42	0,83	1.219,6	158,3			2.394,3	310,7					21.567,8	2.798,9
5	Khoai tây	2,00	0,20	1,74	0,17			34,8	3,5			1,7	0,2	363,7	36,4	1.618,2	161,8
6	Cà rốt	1,90	0,20	1,70	0,18			25,5	2,7			3,4	0,4	132,6	14,0	663,2	69,8
7	Bí ngô	1,30	0,20	1,06	0,16			3,2	0,5			1,1	0,2	64,8	10,0	286,8	44,1
8	Cà chua	1,40	0,20	1,33	0,19			8,0	1,1			2,7	0,4	53,2	7,6	266,0	38,0
9	Cá rô phi	5,10	0,50	2,91	0,29	572,7	56,1			66,9	6,6					2.907,0	285,0
10	Rau muống	5,50	0,80	3,44	0,50			110,0	16,0			13,8	2,0	72,2	10,5	859,4	125,0
11	Rau Ngổ	0,09	0,01	0,06	0,01			1,0	0,1					1,5	0,2	9,6	1,1
12	Tỏi tây (cà lá)	0,09	0,01	0,07	0,01			1,0	0,1					4,2	0,5	20,9	2,3
13	Hành lá (hành hoa)	0,18	0,02	0,14	0,02			1,9	0,2					6,2	0,7	31,7	3,5
14	Dầu đậu tương	1,16	0,24	1,16	0,24							1.160,0	240,0			10.440,0	2.160,0
15	Bột canh	0,62	0,08	0,62	0,08												
16	Nước mắm cá	0,18	0,02	0,18	0,02	9,2	1,0			0,0	0,0			6,5	0,7	63,0	7,0
17	Hành củ tươi	0,09	0,02	0,07	0,02			0,9	0,2			0,3	0,1	3,0	0,7	17,8	4,0
18	Dưa hấu	14,50	2,30	7,54	1,20			90,5	14,4			15,1	2,4	173,4	27,5	1.206,4	191,4
19	Khoai lang	5,10		4,23				33,9				8,5		1.206,4		5.037,3	
20	Đậu xanh (hạt)	3,20		3,14				733,8				75,3		1.665,2		10.286,1	
21	Đường kính	4,00		4,00										3.972,0		15.880,0	
22	Bột sắn dây	2,20		2,20				15,4						1.854,6		7.480,0	
23	Cốt dừa	1,20		0,96										59,5		3.532,8	
24	Gạo tẻ máy		0,80		0,80				63,2				8,0		607,2		2.752,0
25	Gạo nếp cái		0,20		0,20				17,2				3,0		149,0		688,0
26	Đậu xanh (hạt)		0,20		0,20				45,9				4,7		104,1		642,9
27	Xương sườn thăn		1,00		0,43		77,0				55,0						804,1
28	Thịt lợn mỡ		0,40		0,39		74,5				146,2						1.317,1
29	Cải xanh		0,50		0,38				6,5				0,8		7,2		60,8
<b>Cộng</b>						<b>3.408,9</b>	<b>532,8</b>	<b>2.418,6</b>	<b>305,8</b>	<b>3.469,9</b>	<b>654,1</b>	<b>1.453,7</b>	<b>279,0</b>	<b>23.985,8</b>	<b>2.456,4</b>	<b>162.011,8</b>	<b>20.648,2</b>
<b>Bình quân thực tế /1 trẻ</b>						<b>14,6</b>	<b>15,7</b>	<b>10,3</b>	<b>9,0</b>	<b>14,8</b>	<b>19,2</b>	<b>6,2</b>	<b>8,2</b>	<b>102,5</b>	<b>72,2</b>	<b>692,4</b>	<b>607,3</b>
<b>Thấp: MG:P:13%,L:25%,G:52%;NT: P:13%,L:30%,G:</b>						<b>11,7</b>	<b>11,4</b>	<b>7,8</b>	<b>7,6</b>	<b>11,6</b>	<b>13,6</b>	<b>5,0</b>	<b>5,8</b>	<b>78,0</b>	<b>68,8</b>	<b>615,0</b>	<b>600,0</b>
<b>Cao: MG:P:20%,L:35%,G:60%;NT: P:20%,L:40%,G:5</b>						<b>21,3</b>	<b>19,1</b>	<b>14,2</b>	<b>12,7</b>	<b>19,1</b>	<b>19,6</b>	<b>8,2</b>	<b>8,4</b>	<b>106,2</b>	<b>79,4</b>	<b>726,0</b>	<b>651,0</b>

**Quyết toán trong ngày**

- Tiêu chuẩn được chi: 6.164.000 đ
- Hôm trước mang sang:
- Đã chi: 6.157.017 đ
- Thừa: 6.983 đ
- Thiếu:
- Lũy kế: 6.983 đ

**Thực đơn**

- \* **Bữa sáng:** - Cơm, thịt bò xào cần tỏi
- Canh rau muống cá rô/Dưa hấu trắng
- \* **Bữa chiều:** - MG: Chè khoai lang đỗ xanh
- NT: Cháo sườn rau cải
- \* **Ăn giữa giờ:** - Sữa bột shizu